TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04-8-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Hữu Trí.

: Ông Trương Nguyễn Thiện Nhân.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhân Tài.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham dự phiên toà: Ông Lê Xuân Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế - 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2022 về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXX-ST ngày 22/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ S1, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn An Bằng, xã Vinh An, huyện V1, Thừa Thiên Huế, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị B1 (DANG BANG T), sinh năm 1983. địa chỉ: 489 STARRAT RD LOT 84 JACKSONVILLE, FL32218, USA (Hoa Kỳ), có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của ông Đỗ S1 cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Đỗ S1 và bà Đặng Thị B1 (DANG BANG T) tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau. Bà B1 từ Hoa Kỳ về Việt Nam và hai người đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14 tháng 8 năm 2015. Sau kết hôn, ông S1 và bà B1 sống chung khoảng hơn hai tháng thì bà B1 về Hoa Kỳ, từ đó đến nay chưa về Việt Nam. Ông S1 và bà B1 ít liên lạc với nhau, mối quan hệ của hai người không có tình cảm và sống cách xa nhau nên ông S1 viết đơn xin Tòa án cho ông được ly hôn với bà B1.

Về con chung: Ông S1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Ông S1 khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S1 đề nghị không tiến hành hòa giải.

Theo đơn của bà B1 đề ngày 10/6/2022 gửi về từ Hoa Kỳ, bà B1 trình bày về việc ly hôn với ông S1 như sau: Bà B1 đồng ý ly hôn với ông S1. Về con chung, tài sản chung và nợ chung, không có.

Do dịch bệnh Covid nên bà B1 không có điều kiện về Việt Nam, bà B1 xin Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

- Về tố tụng: Không có vấn đề gì cần phải kiến nghị.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông S1, cho ông S1 được ly hôn với bà B1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Đỗ S1 và bà Đặng Thị B1 (DANG BANG T) có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S1 và bà B1 là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông S1 và bà B1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp tại Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14 tháng 8 năm 2015. Sau kết hôn, hai người sống chung với nhau trong thời gian ngắn thì bà B1 trở về Hoa Kỳ cho đến nay.

Do vợ chồng ở xa nhau, không có điều kiện quan tâm chăm sóc nhau, ít liên lạc. Vợ chồng không có tình cảm thương yêu nhau, ông S1 xin Tòa án cho ly hôn với bà B1 và bà B1 cũng đồng ý.

Xét tình cảm vợ chồng giữa ông S1 và bà B1 không còn, điều kiện để hai bên đoàn tụ, thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là không thể thực hiện được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận cho ông S1 được ly hôn với bà B1 là phù hợp với pháp luật.

- Về con chung: Ông S1 và bà B1 đều xác nhận không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông S1 và bà B1 đều xác nhận không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm, ông S1 phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Đỗ S1 được ly hôn với bà Đặng Thị B1 (DANG BANG T).

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Đỗ S1 và bà Đặng Thị B1 (DANG BANG T) đều xác nhận không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Đỗ S1 phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu tiền số: AA/2021/0000068 ngày 16/3/2022 của Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế), ông S1 đã nộp đủ án phí.

Bản án này là sơ thẩm, ông Đỗ S1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bà Đặng Thị B1 (DANG BANG T) đang ở nước ngoài có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, Tòa DS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Hồng Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Hồng Vân